

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐẠI L
TỈNH QUẢNG N

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 288 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI L, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ph

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Nam Ph

2. Bà Nguyễn Thị Kim Ch

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Nguyệt S, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại L.

- Đại diện VKSND tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Qu – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 213/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị H (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Nam Ph, Đại T, huyện Đại L, tỉnh Quảng N; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* ông Lê Thanh S (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Nam Ph, Đại T, huyện Đại L, tỉnh Quảng N;

Hiện trú tại: 162/5 Tô Hiến Th, phường Phước M, quận Sơn Tr, TP Đà N, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 10 năm 2022 và các lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà Tô Thị H và ông Lê Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân xã Đại T, huyện Đại L, tỉnh Quảng N.

Bà và ông S chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân đã từ năm 2019 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S để tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai của ông Lê Thanh S (*bị đơn*) ngày 12/10/2022 đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 05 tháng 10 năm 2022, ông S thống nhất với lời trình bày của bà H về mối quan hệ hôn nhân. Nguyên nhân mâu là do ông S hay đi làm ăn xa nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà H yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Bà H và ông S thống nhất khai vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thanh Lam A, sinh ngày 24/5/2016.

Nay ly hôn bà H và ông S đều có nguyện vọng được nuôi cháu A (*cháu A hiện nay đang sống với bà H*). Bà H, ông S không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông S không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại L phát biểu quan điểm:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý tại Điều 28, Điều 35 BLTTDS; xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; tiến hành thu thập chứng cứ, nội dung và thủ tục đúng qui định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, Viện kiểm sát theo quy định tại các Điều 195, 196 BLTTDS; thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Nguyên đơn, bà Tô Thị H và bị đơn ông Lê Thanh S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tô Thị H được ly hôn với ông Lê Thanh S.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Lê Thanh Lam A, sinh ngày 24/5/2016 cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Bà Hương và ông Sơn không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Thanh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông theo quy định pháp luật là phù hợp.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Tô Thị H và ông Lê Thanh S thì thấy: Ông, bà xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét tình trạng hôn nhân của bà H và ông S thì thấy: Sau ngày cưới vợ chồng sống đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Mặc dù Tòa án đã kiên trì hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng tại hồ sơ và tại phiên Tòa sơ thẩm bà H vẫn kiên quyết ly hôn ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX nghĩ nên xử cho bà H được ly hôn với ông S là phù hợp với thực tế và đúng với quy định pháp luật

2. Về con chung: HĐXX xét nguyện vọng nuôi con chung của bà H và ông S thì thấy: Từ khi bà H, ông S ly thân (năm 2019) đến nay cháu Lê Thanh Lam A sống với bà H. Hiện nay cháu A còn nhỏ nên cháu cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Hơn nữa, H cũng có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận nguyện vọng của Bà H giao cho bà H là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp. HĐXX không chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của ông Sơn là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Tô Thị H đối với ông Lê Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tô Thị H được ly hôn với ông Lê Thanh Sơn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Lam A, sinh ngày 24/5/2016 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Bà Tô Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Sơn có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003875 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại L.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng N xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND huyện Đại L;
- Chi cục THADS huyện Đại L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Ph

